

**TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 72074/CT-HTr  
V/v giải đáp chính sách thuế

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2015

Kính gửi: Công ty TNHH Kyoritsukiko Việt Nam  
(Địa chỉ: HITEC Tower, 239 Xuân Thủy,  
phường Dịch Vọng, Cầu Giấy,, Hà Nội)  
MST: 0106788616

Cục thuế TP Hà Nội nhận được công văn số: 2015 - 001/KK ngày 09/10/2015 của Công ty TNHH Kyoritsukiko Việt Nam hỏi về thuế suất thuế GTGT đối với dịch vụ cung cấp cho nước ngoài.

+ Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT quy định:

- Tại khoản 21 Điều 4 Chương I quy định đối tượng không chịu thuế GTGT:

“ Điều 4. Đối tượng không chịu thuế GTGT

21. Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ. Trường hợp hợp đồng chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ có kèm theo chuyển giao máy móc, thiết bị thì đối tượng không chịu thuế GTGT tính trên phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao, chuyển nhượng; trường hợp không tách riêng được thì thuế GTGT được tính trên cả phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao, chuyển nhượng cùng với máy móc, thiết bị.

Phần mềm máy tính bao gồm sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật.”

- Tại điểm 1, tiết b điểm 2 Điều 9 mục 1 Chương II quy định thuế suất 0%, điều kiện áp dụng thuế suất 0% đối với dịch vụ xuất khẩu quy định như sau:

“Điều 9. Thuế suất 0%

1. Thuế suất 0%: áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan; vận tải quốc tế; hàng hoá, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

Hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu là hàng hoá, dịch vụ được bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; hàng hoá, dịch vụ cung cấp cho khách

*hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.*

...

*b) Dịch vụ xuất khẩu bao gồm dịch vụ cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở trong khu phi thuế quan và tiêu dùng trong khu phi thuế quan."*

*"2. Điều kiện áp dụng thuế suất 0%:*

*b) Đối với dịch vụ xuất khẩu:*

*- Có hợp đồng cung ứng dịch vụ với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan;*

*- Có chứng từ thanh toán tiền dịch vụ xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật;"*

*- Tại Điều 11 mục 1 Chương II quy định thuế suất 10%:*

*"Điều 11. Thuế suất 10%*

*Thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ không được quy định tại Điều 4, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này."*

*- Căn cứ Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/05/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin quy định hoạt động công nghiệp phần mềm:*

*+Tại khoản 10 Điều 3 Chương I quy định việc giải thích từ ngữ trong Nghị định như sau:*

*" Điều 3. Giải thích từ ngữ*

*Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:*

*1. Sản phẩm phần mềm là phần mềm và tài liệu kèm theo được sản xuất và được thể hiện hay lưu trữ ở bất kỳ một dạng vật thể nào, có thể được mua bán hoặc chuyển giao cho đối tượng khác khai thác, sử dụng.*

*...10. Dịch vụ phần mềm là hoạt động trực tiếp hỗ trợ, phục vụ việc sản xuất, cài đặt, khai thác, sử dụng, nâng cấp, bảo hành, bảo trì phần mềm và các hoạt động tương tự khác liên quan đến phần mềm. "*

*+Tại khoản 3 Điều 9 mục 1 Chương I quy định các loại dịch vụ phần mềm:*

*" Điều 9. Hoạt động công nghiệp phần mềm*

*3. Các loại dịch vụ phần mềm bao gồm:*

*a) Dịch vụ quản trị, bảo hành, bảo trì hoạt động của phần mềm và hệ thống thông tin;*

*b) Dịch vụ tư vấn, đánh giá, thẩm định chất lượng phần mềm;*

*c) Dịch vụ tư vấn, xây dựng dự án phần mềm;*

*d) Dịch vụ tư vấn định giá phần mềm;*

*đ) Dịch vụ chuyển giao công nghệ phần mềm;*

*e) Dịch vụ tích hợp hệ thống;*

*g) Dịch vụ bảo đảm an toàn, an ninh cho sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin;*

*h) Dịch vụ phân phối, cung ứng sản phẩm phần mềm;*

*i) Các dịch vụ phần mềm khác."*

*- Căn cứ Thông tư 09/2013/TT-BTTTT ngày 08/04/2014 của Bộ Thông tin & Truyền thông ban hành về danh mục sản phẩm phần mềm và phần cứng, điện tử.*

Căn cứ quy định trên, Cục thuế TP Hà Nội trả lời theo nguyên tắc như sau:

Trường hợp Công ty TNHH Kyoritsukiko Việt Nam có ký Hợp đồng cung ứng sản phẩm phần mềm, dịch vụ phần mềm cho khách hàng là tổ chức, cá nhân nước ngoài nếu khách hàng nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, không phải là người nộp thuế giá trị gia tăng tại Việt Nam và Công ty đáp ứng đủ điều kiện quy định tại tiết b điểm 2 Điều 9 mục 1 Chương II Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính nêu trên thì dịch vụ này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT là 0%.

Trường hợp Công ty TNHH Kyoritsukiko Việt Nam ký hợp đồng cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm nếu thuộc danh mục sản phẩm phần mềm được quy định tại Thông tư 09/2013/TT-BTTTT ngày 08/04/2014 của Bộ Thông tin & Truyền thông và khoản 1, khoản 10 Điều 3 Chương I; khoản 3 Điều 9 mục 1 Chương I Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/05/2007 của Chính phủ thì dịch vụ này thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo hướng dẫn tại khoản 21 Điều 4 Chương I Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

Cục thuế TP Hà Nội trả lời đề Công ty TNHH Kyoritsukiko Việt Nam được biết và thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng Kiểm tra thuế số 1;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT,HTr.

(6/2)



Mai Sơn

09916597